

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ
nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015, Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Ngày 25 tháng 9 năm 2013, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2013 (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH).

Sau một thời gian thực hiện, một số nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này không còn phù hợp với tình hình thực tế nên ngày 27 tháng 11 năm 2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 nêu trên của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 84/2019/TT-BTC), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và thay thế Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH. Theo đó, tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 84/2019/TT-BTC quy định:

“3. Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.”

Từ những cơ sở nêu trên, để đảm bảo công tác quản lý cũng như tạo điều kiện cho nạn nhân bị mua bán được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm sớm ổn định đời sống, tái hòa nhập cộng đồng; việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền và cần thiết. Riêng các nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của tỉnh; làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; thống nhất về đối tượng hỗ trợ, nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang; tạo điều kiện để nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm ổn định đời sống, tái hòa nhập cộng đồng, tránh tái bị mua bán.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết; theo đó đơn vị đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang để lấy ý kiến theo quy định.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, tham khảo nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán của tỉnh Quảng Nam (các tỉnh lân cận chưa ban hành Nghị quyết) và báo cáo thẩm định của ngành tư pháp (Báo cáo số 114/BC-STP ngày 29 tháng 4 năm 2020), cơ quan soạn thảo đã hoàn chỉnh dự thảo theo đúng quy trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều, trong đó:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Điều 2. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân
- Điều 3. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân
- Điều 4. Kinh phí thực hiện
- Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

Việc quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh An Giang căn cứ theo Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người và Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019, cơ bản như sau:

2.1. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

a) Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

2.2. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

a) Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại:

- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) với mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

- Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cho nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở: 400.000 đồng/người.

- Chi tiền ăn trong những ngày đi đường cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả: 70.000 đồng/người/ngày, tối đa hỗ trợ không quá 05 ngày.

b) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu:

- Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề:

+ Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, văn bản hướng dẫn Nghị định và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể hàng năm.

+ Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề: Mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/người.

- Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú: Mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương, theo khả năng cân đối ngân sách được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(gửi kèm: Tờ trình của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; dự thảo Nghị quyết chi tiết; bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị và các địa phương; báo cáo thẩm định số 114/BC-STP ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- TT: TU, UBND tỉnh;
- Sở: LĐTBXH, TC;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

Số: /2020/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ngày tháng năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

b) Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật cho công tác

hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo yêu cầu nguyện vọng chính đáng của nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và cơ quan có thẩm quyền tại địa phương tiếp nhận nguồn hỗ trợ chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài của tội phạm mua bán người tại Việt Nam;

b) Người trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân theo quy định tại Điều 24, 25 Luật Phòng, chống mua bán người;

c) Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Điều 2. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

Điều 3. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

1. Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại:

a) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) với mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cho nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở: 400.000 đồng/người.

c) Chi tiền ăn trong những ngày đi đường cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả: 70.000 đồng/người/ngày, tối đa hỗ trợ không quá 05 ngày.

2. Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu:

a) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề:

- Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

86/2015/NĐ-CP, văn bản hướng dẫn Nghị định và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể hàng năm.

- Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề: Mức hỗ trợ áp dụng bằng với mức hỗ trợ dành cho lao động nữ bị mất việc làm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính là: 3.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú: Mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương, theo khả năng cân đối ngân sách được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Những nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC và Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- TT, TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú: Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân tại An Giang;
- Truyền hình Quốc hội tại An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh AG;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.Tổng hợp.

CHỦ TỊCH